

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp xe ô tô phục vụ công tác chung của Bệnh viện
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 01/08/2024
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>
- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Người liên hệ: Nguyễn Thị Thảo Nhân Số điện thoại: 028.3952.5239

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có)
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có)

Trân trọng././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đầu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J19-035-nttnhan) (2)

TUỶ GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh

tu 24

PHỤ LỤC 1. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số 3456/BVĐHYD-VTTB ngày 13... tháng 7... năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Xe ô tô	Xe	1	



PHỤ LỤC 2. YÊU CẦU CỤ THỂ VỀ KỸ THUẬT

Thông số kỹ thuật		Yêu cầu tối thiểu
Màu sắc		Trắng hoặc xám
Xuất xứ		Lắp ráp trong nước hoặc nhập khẩu
Năm sản xuất		2024 trở về sau
Kích thước	D x R x C (mm x mm x mm)	4790 x 1850 x 1830 (±3%)
	Chiều dài cơ sở (mm)	2740 (±3%)
	Chiều rộng cơ sở (Trước/ sau) (mm)	1540/1550 (±3%)
	Khoảng sáng gầm xe (mm)	≥270
	Góc thoát (Trước/Sau) (độ/degree)	29/25 (±3%)
	Bán kính vòng quay tối thiểu (m)	≤6
	Dung tích bình nhiên liệu (lít)	≥65
Động cơ	Số xy lanh	≥4
	Bố trí xy lanh	Thẳng hàng
	Dung tích xy lanh (cc)	≥2.4
	Hệ thống nhiên liệu	Phun nhiên liệu điện tử
	Loại nhiên liệu	Xăng
	Công suất tối đa (kW (Mã lực) @ vòng/phút)	≥122 (164)/3.500
	Mô men xoắn tối đa (Nm @ vòng/phút)	≥245/2.500
Chế độ lái (công suất cao/tiết kiệm nhiên liệu)		Có
Hệ thống truyền động		Dẫn động 2 cầu, gài cầu điện tử hoặc tương đương
Hộp số		Số tự động ≥6 cấp
Hệ thống treo	Trước	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng
	Sau	Phụ thuộc, liên kết ≥3 điểm
Hệ thống lái	Trợ lực tay lái	Thủy lực (dầu)
Vành & lốp xe	Loại vành	Mâm đúc
	Kích thước lốp	≥265/60R18
	Lốp dự phòng	Mâm đúc

Phanh	Trước	Đĩa tản nhiệt
	Sau	Đĩa/Đĩa tản nhiệt
Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5 trở lên
NGOẠI THẤT		
Cụm đèn trước	Đèn chiếu gần	Led
	Đèn chiếu xa	Led
	Đèn chiếu sáng ban ngày	Có
	Hệ thống điều khiển đèn tự động	Có
	Hệ thống cân bằng góc	Tự động
	Chế độ đèn chờ dẫn đường	Có
Cụm đèn sau	Cụm đèn sau	Led
Đèn báo phanh trên cao		Led
Đèn sương mù	Trước	Led
	Sau	Có
Gương chiếu hậu ngoài	Chức năng điều chỉnh điện	Có
	Chức năng gập điện	Có
	Tích hợp đèn báo rẽ	Có
	Tích hợp đèn chào mừng	Có
	Màu	Cùng màu thân xe

Thông số kỹ thuật		Yêu cầu tối thiểu
Gạt mưa	Trước	Gián đoạn, điều chỉnh thời gian
	Sau	Có (gián đoạn)
Chức năng sấy kính sau		Có
Tay nắm cửa ngoài		Mạ crôm
Thanh cản (giảm va chạm)	Trước	Có
	Sau	Có
Chấn bần		Trước + Sau
NỘI THẤT		
Tay lái	Loại tay lái	≥3 châu
	Chất liệu	Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc
	Nút bấm điều khiển tích hợp	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay
	Điều chỉnh	≥4 hướng
	Lẫy chuyển số	Có
Gương chiếu hậu trong		Chống chói tự động
Tay nắm cửa trong		Mạ crôm
Cụm đồng hồ	Loại đồng hồ	Optitron
	Đèn báo chế độ Eco	Có
	Chức năng báo lượng tiêu thụ nhiên liệu	Có
	Chức năng báo vị trí cần số	Có
	Màn hình hiển thị đa thông tin	Có (màn hình màu TFT ≥4.2")
GHẾ		
Chất liệu bọc ghế		Da
Ghế trước	Loại ghế	Loại thể thao
	Điều chỉnh ghế lái	Chỉnh điện ≥8 hướng
	Điều chỉnh ghế hành khách	Chỉnh điện ≥8 hướng
Ghế sau	Hàng ghế thứ hai	Gập lưng ghế 60:40 một chạm, chỉnh cơ hoặc tự động ≥4 hướng
	Hàng ghế thứ ba	Ngả lưng ghế, gập 50:50 sang 2 bên
	Tựa tay hàng ghế sau	Có
TIỆN NGHI		
Hệ thống điều hòa		Tự động ≥2 vùng
Cửa gió sau		Có

Thông số kỹ thuật		Yêu cầu tối thiểu
Hộp làm mát		Có
Hệ thống âm thanh	Đầu đĩa	Màn hình cảm ứng ≥ 9" navigation
	Số loa	≥10 loa hoặc tương đương
	Cổng kết nối USB	Có
	Kết nối Bluetooth	Có
	Hệ thống đàm thoại rảnh	Có
	Kết nối điện thoại thông minh	Có
Chìa khóa thông minh & Khởi động bằng nút bấm		Có
Khóa cửa điện		Có
Chức năng khóa cửa từ xa		Có
Cửa sổ điều chỉnh điện		Có (1 chạm, chống kẹt tất cả các cửa)
Cốp điều khiển điện		Có
Ga tự động		Có
Hệ thống GPS		Có
AN NINH		
Hệ thống báo động		Có
Hệ thống mã hóa khóa động cơ		Có
AN TOÀN CHỦ ĐỘNG		
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)		Có
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA)		Có
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)		Có
Hệ thống cân bằng điện tử (VSC)		Có
Hệ thống kiểm soát lực kéo (TRC)		Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)		Có
Hệ thống hỗ trợ khởi hành đồ đèo (DAC)		Có

Đèn báo phanh khẩn cấp (EBS)		Có
Cảnh báo điểm mù (BSM)		Có
Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)		Có
Camera 360 (PVM)		Có
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe	Sau	Có
	Góc trước	Có
	Góc sau	Có
AN TOÀN BỊ ĐỘNG		
Túi khí	Túi khí người lái & hành khách phía trước	Có (≥ 2)
	Túi khí bên hông phía trước	Có (≥ 2)
	Túi khí rèm	Có (≥ 2)
	Túi khí đầu gối người lái	Có (≥ 1)
Khung xe GOA		Có
Dây đai an toàn		≥ 3 điểm ELR, ≥ 7 vị trí
Ghế có cấu trúc giảm chấn thương cổ		Có
Cột lái tự đổ		Có
Khóa an toàn trẻ em		ISO FIX hoặc tương đương
Khóa cửa an toàn		Có
CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH, CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG		
Chính sách bảo hành		36 tháng hoặc 100.000 km, tùy thuộc điều kiện nào đến trước